

Số:01/2019/QĐPT-DS

Bình Thuận, ngày 03 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng
tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Thanh Thuý; bà Lê Thị Thanh Thái.

Thư ký phiên họp: Bà Cao Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên họp:
Ông Lê Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 36/2019/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019, về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Do Quyết định số 07/2018/QĐST-DS ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 103/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Hoàng Thị Mạnh Ng – sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn A, xã ĐK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hồ Văn M - sinh năm 1966.

+ Bà Đỗ Thị V – sinh năm 1973.

+ Bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1938 (ủy quyền cho ông Minh).

+ Ông Lê Văn D – sinh năm 1955, bà Lê Thị Tâm, sinh năm 1959.

+ Ông Đinh Nữ V – sinh năm 1961.

Cùng trú tại: Thôn B, xã HK, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Hoàng Thị Mạnh Ng.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu bà Hoàng Thị Mạnh Ng, trình bày: Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2012/DS-ST ngày 22/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh quyết định buộc ông Hồ Văn M phải trả cho bà Hoàng Thị Mạnh Ng số tiền 260.800.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Ng đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Quá trình thi hành án đã cưỡng chế tài sản của ông M trả cho bà Ng được một số tiền, còn lại 237.564.080 đồng nay vẫn chưa thi hành được.

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, bà cho rằng ông M có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 284m² thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 08, nhà xây cấp 4 và các công trình phụ trên đất tọa lạc tại thôn 2, xã Huy Khiêm. Nguồn gốc thửa đất là do ông M nhận chuyển nhượng của ông Đinh Nữ V và ông Lê Văn D. Bà Ng yêu cầu Tòa án xác định thửa đất nêu trên, nhà ở và các công trình trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M.

Tại phiên họp phúc thẩm, bà Ng yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2019 để giải quyết yêu cầu của bà, cụ thể là: Yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A diện tích 105 m², mái che khung sắt tiền chế 80 m² thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn M, bà Đỗ Thị V, bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của bà Ng về nguồn gốc thửa đất trước đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn D và ông Đinh Nữ V. Tuy nhiên, ông M không phải là người sang nhượng đất của ông V và ông D mà bà Đ, mẹ vợ ông M mới là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông V và ông D, các tài sản trên đất là nhà và khung sắt tiền chế là tài sản do bà Đ tạo lập. Đất và các tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bà Đ, không phải của ông M nên yêu cầu của bà Ng là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Nữ V, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T trình bày: Ông D và ông V được UBND xã hoán đổi cho các thửa đất số 954 và số 955 để xây dựng nhà văn hóa thôn, 2 thửa đất này liền kề với nhau. Năm 2005, ông Đinh Nữ V là Bí thư Đảng ủy xã Huy Khiêm, ông Lê Văn D là Chủ tịch UBMTTQ xã Huy Khiêm và ông Hồ Văn M là Phó chủ tịch Hội Nông dân xã Huy Khiêm, khi biết ông D và ông V được hoán đổi các lô đất trên, ông M đặt vấn đề với

ông V và ông D nhượng lại một phần các thửa đất số 954 và 955 có bề ngang mặt đường là 8,5m để có thửa đất hiện nay ông M đang sử dụng. Ông V và ông D cho rằng các ông không sang nhượng cho bà Đ. Thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm có một phần nằm trong thửa đất số 954 tờ bản đồ số 8, UBND huyện Tánh Linh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 639885 ngày 15/7/2014 cho bà Lê Thị T (vợ ông Lê Văn D) và một phần trong thửa đất số 955 tờ bản đồ số 8, UBND huyện Tánh Linh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 639889 ngày 15/7/2014 cho ông Đinh Nữ V. Ông V và ông D thống nhất với kết quả đo đạc tại mảnh chính lý nêu trên. Diện tích đất đã sang nhượng cho ông M vào năm 2005 thì nay ông V, ông D, bà T không có tranh chấp. Nếu ông Hồ Văn M có yêu cầu tách thửa thì các ông, bà đồng ý.

Ngày 25/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đã giải quyết việc dân sự tại Quyết định số 07/2018/QĐST-DS, quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, các Điều 362, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014;

- Điều 688, 689, 692 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 46 Luật đất đai năm 2003

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Mạnh Ng về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Hồ Văn M đối với thửa đất 284m², thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 08, nhà ở và các công trình phụ trên đất tọa lạc tại thôn 2, xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh để thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lệ phí giải quyết việc dân sự, quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 03/01/2019, bà Hoàng Thị Mạnh Ng kháng cáo toàn bộ Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐST-DS ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà.

Tại phiên họp phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Có căn cứ để xác định năm 2005, ông Hồ Văn M đã sang nhượng của ông Lê Văn D và ông Đinh Nữ V thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh duyệt ngày 11/4/2019. Do vậy có căn cứ xác định thửa đất này thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Văn M, bà Đỗ Thị V. Đối với tài sản trên đất là

căn nhà và mái che khung sắt thì không có căn cứ để xác định thuộc quyền sở hữu của ông M và bà V. Đề nghị Hội đồng phúc thẩm sửa quyết định sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Ng theo hướng phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1]. Về phạm vi yêu cầu của bà Hoàng Thị Mạnh Ng tại phiên họp phúc thẩm: Tại đơn yêu cầu cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Ng yêu cầu xác định thửa đất số 12 diện tích 284m² tờ bản đồ số 08, nhà xây cấp 4 và các công trình phụ trên đất tọa lạc tại thôn 2, xã Huy Khiêm thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M. Tại phiên họp phúc thẩm, bà yêu cầu xác định thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A, mái che khung sắt tiền chế thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M. Yêu cầu của bà Ng tại phiên họp phúc thẩm có thay đổi về số thửa, tờ bản đồ, diện tích đất so với yêu cầu tại cấp sơ thẩm, tuy nhiên vị trí đất trên thực tế không có thay đổi và do cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ nên chưa xác định chính xác số thửa, diện tích đất mà bà Ng yêu cầu. Xét thấy yêu cầu của bà Ng tại phiên họp phúc thẩm không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu nên được Hội đồng phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[2]. Về nguồn gốc thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m²: Tất cả các đương sự đều thừa nhận thửa đất trên có một phần thuộc thửa đất số 954, UBND huyện Tánh Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị T (vợ ông D) và một phần thửa đất số 955 UBND huyện Tánh Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Nữ V như mảnh chính lý mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh đã đo vẽ.

[3]. Về bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Bà Ng, ông V, ông D khai thống nhất năm 2005 ông V và ông D chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M, không chuyển nhượng cho bà Đ. Chứng cứ bà Ng cung cấp là sổ hộ khẩu của ông M ngày 18/10/2004 do ông M làm chủ hộ, bà Đ là thành viên của hộ; danh sách các hộ đóng tiền mặt và công làm đường xóm 2, Huy Khiêm có tên ông M; hóa đơn tiền điện tên khách hàng là Hồ Văn M; đơn xin xác thực diện tích đất có xác nhận của Phó Chủ tịch UBND xã Huy Khiêm với nội dung: “*Hộ ông Đinh Nữ V, thường trú thôn 2 Huy Khiêm và hộ bà Lê Thị T vợ ông Lê Văn D có diện tích đất tại xóm, thôn 2. Nguồn gốc nhận hoán đổi đất xây dựng nhà văn hóa thôn. Việc sang nhượng đất giữa ông V, ông D với ông Hồ Văn M chỉ làm giấy tay, chưa thông qua chính quyền địa phương*”. Ông M, bà Đ, bà V khai thửa đất nêu trên ông D và ông V chuyển nhượng cho bà Đ nhưng lời khai này không được các chủ đất cũ là ông V và ông D thừa nhận. Ông M có cung cấp bản phô tô giấy viết tay với nội dung: *Tôi đã nhận 17.000.000đ*

(mười bảy triệu). Bên ông V còn lại ba triệu, có chữ ký phía dưới. Ngày 04/10/2005, Đinh Nữ V nhận 6.000.000đ trong đó trả lãi ngân hàng 4 triệu đồng về việc nhượng lại 1,5m đất chiều đường, 34 m chiều sau, ký tên V. Ông V và ông D thừa nhận các ông có ký vào giấy này nhưng cho rằng ông M đã phô tô không đầy đủ giấy tờ mua bán giữa các bên, chỉ phô tô phần dưới, bỏ phần trên là phần có tiêu đề, nội dung thể hiện bên mua, bên bán, nên tài liệu mà ông M cung cấp không thể hiện được người mua, người bán đất là ai. Ông V và ông D cho rằng khi chuyển nhượng đất cho ông M, hai ông có viết giấy bán đất cho ông M và chỉ lập một bản do ông M giữ, giấy chuyển nhượng đất có phần tiêu đề, có nội dung, thể hiện rõ người mua, người bán. Các ông yêu cầu ông M xuất trình bản gốc giấy mua bán đất để đối chiếu. Trước phiên họp phúc thẩm, mặc dù Tòa án đã yêu cầu ông M cung cấp bản gốc nhưng ông M chưa cung cấp và cho rằng chưa tìm thấy. Tại phiên họp phúc thẩm, ông M đưa ra bản gốc giấy viết tay với nội dung như bản phô tô ông M đã nộp, nhưng tờ giấy mà ông M đưa ra không còn nguyên khổ giấy, ông M cho rằng do giấy viết đã lâu, phần đầu khổ giấy đã bị hư hỏng nên chỉ còn lại một phần tờ giấy. Ông V và ông D cho rằng ông M đã cố tình không cung cấp nguyên bản gốc giấy tờ mua bán đất giữa các ông với ông M. Ngoài tài liệu trên, ông M còn đưa ra tài liệu là giấy viết tay do ông D viết với nội dung ông D có nhận của bà Đ 20 triệu đồng về khoản có sang nhượng lại 5m đất bề ngang sát đất ông V, giấy này đề ngày 06/6/2006. Ông D thừa nhận có viết giấy này nhưng thời điểm viết không phải là năm 2006 mà mới viết vào năm 2016 do ông M nhờ viết đề bà Đ vay vốn ngân hàng. Hơn nữa giấy này đề ngày 06/6/2006 là mâu thuẫn với tài liệu ông M cung cấp và ông V, ông D thừa nhận là chuyển nhượng đất vào năm 2005. Ngoài tài liệu bà Ng cung cấp, Tòa án nhân dân tỉnh đã làm việc với cán bộ địa chính xã Huy Khiêm vào ngày 12/3/2019, theo cán bộ địa chính xã Huy Khiêm thì trước đây ông V và ông D sang nhượng lại cho ông M. Các chứng cứ mà ông M đưa ra thì các chủ đất cũ không thừa nhận. Các chứng cứ mà bà Ng đưa ra phù hợp với lời khai của ông V và ông D là các chủ đất cũ. Do vậy, có đủ căn cứ để khẳng định thửa đất hiện nay gia đình ông M đang sử dụng do ông V và ông D chuyển nhượng cho ông M vào năm 2005.

[4]. Xác định quyền sử dụng đất: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thửa đất hiện nay gia đình ông M đang sử dụng có nguồn gốc do ông D và ông V sang nhượng cho ông M vào năm 2005, nhưng lại không chấp nhận yêu cầu của bà Ng vì cho rằng ông M chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giữa nhận định và quyết định của cấp sơ thẩm có sự mâu thuẫn. Ông M đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông V và ông D từ năm 2005, đã làm nhà trên đất, nay ông V và ông D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng không có tranh chấp, đất đủ điều kiện tách thửa nên theo hướng dẫn tại mục 2 phần II Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có căn cứ để xác định quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng. Theo ông M và bà V khai thì ông bà chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay, có 03 con chung, con lớn nhất sinh năm 1991, sổ hộ khẩu của ông M cũng có nội dung phù

hợp với trình bày của ông M, bà V. Mặc dù ông M bà V không cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng thực tế là ông bà đã cùng nhau chung sống, tạo lập tài sản chung. Do vậy, thửa đất mà ông M sang nhượng lại của ông V và ông D vào năm 2005 được xác định là tài sản chung của ông M và bà V. Do ông M và bà V không cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện công sức đóng góp của các bên, nên xác định công sức đóng góp của các bên là như nhau, nên mỗi người được sử dụng, sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản chung.

[5]. Về tài sản trên đất: Trên thửa đất của vợ chồng ông M, bà V có căn nhà cấp 4 A và mái hiên khung sắt tiền chế. Ông M, bà Đ, bà V cho rằng căn nhà trên đất là do bà Đ tạo lập, bà Đ nhờ ông Thắng chủ thầu xây dựng xây cất nhà cho bà và năm 2007. Ngoài lời khai trên và lời khai của ông Th, không có tài liệu nào khác chứng minh căn nhà xây dựng trên đất của ông M, bà V là của bà Đ. Đất thuộc quyền sử dụng của ông M, bà V, tài sản trên đất hiện vẫn do ông M bà V quản lý, sử dụng, ông M, bà V đang sinh sống trong căn nhà này, sổ hộ khẩu, hóa đơn tiền điện, tiền làm đường giao thông đều do ông M đứng tên, do vậy có căn cứ xác định tài sản trên đất là căn nhà và mái hiên thuộc quyền sở hữu của ông M và bà V. Hội đồng phúc thẩm không đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát cho rằng không có căn cứ xác định tài sản trên đất là của ông M, bà V.

[6]. Kháng cáo của bà Ng là có căn cứ, Hội đồng phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của bà Ng.

[7]. Lệ phí, chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị Mạnh Ng phải chịu lệ phí sơ thẩm, không phải chịu lệ phí phúc thẩm. Ông Hồ Văn M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho bà Ng.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Mạnh Ng. Sửa Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐST-DS ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Áp dụng khoản 9 Điều 27, Điều 149, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, Điều 117, Điều 207, 208 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự ngày 25/11/2014

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Mạnh Ng. Xác định thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² tại thôn 2 xã Huy Khiêm theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh

duyet ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A, mái che khung sắt tiền chế thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M và bà Đỗ Thị V.

Ông Hồ Văn M được quyền sử dụng, sở hữu $\frac{1}{2}$ thửa đất số 219, tờ số 83, diện tích 323m² theo mảnh chính lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A, mái che khung sắt tiền chế.

(Có sơ đồ mảnh chính lý thửa đất kèm theo).

Ông Hồ Văn M, bà Đỗ Thị V có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với các tài sản nêu trên.

Ông Đinh Nữ V, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai.

2. Lệ phí và chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị Mạnh Ng phải chịu 300.000đ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm bà Ng đã nộp theo biên lai số 0012953 ngày 23/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà Hoàng Thị Mạnh Ng không phải chịu lệ phí phúc thẩm, hoàn trả cho bà Ng 300.000đ tạm ứng lệ phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013069 ngày 09/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Bà Hoàng Thị Mạnh Ng không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, Ông Hồ Văn M phải chịu 3.972.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông M có trách nhiệm trả cho bà Ng 3.972.000 đ mà bà Ng đã nộp.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (03/6/2019).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tánh Linh;
- THADS huyện Tánh Linh;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(đã ký)

Nguyễn Văn Quân